

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức hỗ trợ thường xuyên cho chức danh Đội trưởng,
Đội phó Đội dân phòng và định mức trang bị phương tiện phòng cháy,
chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho Đội dân phòng trên địa bàn tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ 8**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng dân phòng, lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, lực lượng phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành;

Xét Tờ trình số 2020/TTr-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định mức hỗ trợ thường xuyên cho chức danh Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng và định mức trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho Đội dân phòng trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 59/BC-HĐND ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho các chức danh Đội trưởng, Đội phó của Đội dân phòng và định mức trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho Đội dân phòng trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Đội trưởng, Đội phó của Đội dân phòng.
- b) Đội dân phòng.
- c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Mức hỗ trợ thường xuyên cho Đội trưởng, Đội phó và định mức trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho Đội dân phòng

1. Mức hỗ trợ thường xuyên

- a) Hỗ trợ cho Đội trưởng Đội dân phòng bằng 20% mức lương tối thiểu vùng/người/tháng;
- b) Hỗ trợ cho Đội phó Đội dân phòng bằng 15% mức lương tối thiểu vùng/người/tháng.

2. Danh mục, số lượng phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trang bị cho một Đội dân phòng theo Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn kinh phí hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho các chức danh Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng được bố trí trong dự toán chi an ninh địa phương của cấp xã.

2. Nguồn kinh phí mua sắm trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho Đội dân phòng được bố trí trong dự toán chi an ninh địa phương của cấp tỉnh.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận khóa XI, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 07 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 18 tháng 7 năm 2022.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 73/2019/NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ thường xuyên cho chức danh Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng và trang bị phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho Đội dân phòng, Ban bảo vệ dân phố trên địa bàn tỉnh./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Công an;
- Bộ Tài chính;
- Ban Công tác đại biểu - UBTV Quốc hội;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh,
Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bình Thuận;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành và đoàn thể tỉnh;
- Các Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- HĐND và UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công thông tin điện tử Chính phủ;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, (CTHĐ.08b) K.T.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Hoài Anh

PHỤ LỤC
DANH MỤC, SỐ LƯỢNG PHƯƠNG TIỆN PHÒNG CHÁY,
CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ TRANG BỊ CHO 01 ĐỘI DÂN PHÒNG
(Kèm theo Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 07 /7/2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận)

STT	DANH MỤC	SỐ LƯỢNG	ĐƠN VỊ	NIÊN HẠN SỬ DỤNG
1	Bình bột chữa cháy xách tay có khối lượng chất chữa cháy không nhỏ hơn 04 kg	05	Bình	Theo quy định của nhà sản xuất
2	Bình khí chữa cháy xách tay có khối lượng chất chữa cháy không nhỏ hơn 03 kg hoặc bình chữa cháy gốc nước xách tay có dung tích chất chữa cháy không nhỏ hơn 06 lít	05	Bình	Theo quy định của nhà sản xuất
3	Đèn pin (độ sáng 200 lm, chịu nước IPX4)	02	Chiếc	Hỏng thay thế
4	Rìu cứu nạn (trọng lượng 2 kg, cán dài 90 cm, chất liệu thép cacbon cường độ cao)	01	Chiếc	Hỏng thay thế
5	Xà beng (một đầu nhọn, một đầu dẹt; dài 100 cm)	01	Chiếc	Hỏng thay thế
6	Búa tạ (thép cacbon cường độ cao, nặng 5 kg, cán dài 50 cm)	01	Chiếc	Hỏng thay thế
7	Kìm cộng lực (dài 60 cm, tải cắt 60 kg)	01	Chiếc	Hỏng thay thế
8	Túi sơ cứu loại A (<i>Theo Thông tư số 19/2016/TT-BYT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế</i>)	01	Túi	Hỏng thay thế
9	Cáng cứu thương (kích thước 186 cm x 51 cm x 17 cm; tải trọng 160 kg).	01	Chiếc	Hỏng thay thế